



BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
VIỆN KHOA HỌC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

---

# THÔNG BÁO KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP THÁNG III/2020



HÀ NỘI, THÁNG IV/2020

## LỜI NÓI ĐẦU

Thông báo và Dự báo khí tượng nông nghiệp do Phòng Giám sát và Dự báo khí tượng nông nghiệp, Trung tâm Nghiên cứu khí tượng nông nghiệp, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu, soạn thảo và xuất bản hàng tháng.

Bản tin Thông báo và Dự báo khí tượng nông nghiệp được xây dựng trên cơ sở nguồn dữ liệu:

- 56 trạm khí tượng và 29 trạm khí tượng nông nghiệp do Trung tâm Khí tượng Thủy văn Quốc gia cung cấp;
- Bản tin Dự báo thời tiết tuần do Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Trung ương cung cấp;
- Bản tin Dự báo khí hậu (1 tháng, 3 tháng) do Trung tâm Nghiên cứu Khí tượng - Khí hậu, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu cung cấp;
- Báo cáo tổng hợp tình hình sản xuất nông nghiệp hàng tháng ở các vùng sinh thái nông nghiệp do Trung tâm Thông tin, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cung cấp;
- Số liệu thống kê về diện tích, năng suất, sản lượng của các cây trồng chính do Tổng cục Thống kê cung cấp.

Mọi ý kiến đóng góp xin gửi về Trung tâm Nghiên cứu khí tượng nông nghiệp, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu.

Địa chỉ: 23/62 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 04.7733372; 047733090-407

Fax: 04.8358626

Email: [son.nguyenhong@imh.ac.vn](mailto:son.nguyenhong@imh.ac.vn);

Webside: <http://www.imh.ac.vn>



## MỤC LỤC

	<b>Trang</b>
I. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THÁNG III/2020 .....	1
1. Vùng Tây Bắc.....	1
2. Vùng Việt Bắc.....	2
3. Vùng Đông Bắc.....	4
4. Vùng Đồng bằng Bắc Bộ .....	5
5. Vùng Bắc Trung Bộ .....	6
6. Vùng Trung Trung Bộ.....	7
7. Vùng Nam Trung Bộ.....	9
8. Vùng Tây Nguyên .....	10
9. Vùng Nam Bộ.....	11
II. ẢNH HƯỞNG CỦA ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG ĐỐI VỚI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRONG THÁNG III/2020 .....	12
III. DỰ BÁO KHÍ HẬU 3 THÁNG IV – VI NĂM 2020.....	17
IV. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ .....	18
V. TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	19

## I. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THÁNG III/2020

Nền nhiệt độ không khí trung bình trong tháng III/2020 tại các địa phương trong cả nước đều ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN ( $0,2^{\circ}\text{C}$  đến  $5,7^{\circ}\text{C}$ ), (hình 10).

Lượng mưa trong tháng tại hầu hết các địa phương ở khu vực trung du và miền núi phía Bắc ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN ( $-32,4\text{mm}$  đến  $172,2\text{mm}$ ), (hình 11).

Tổng số giờ nắng tháng ở hầu hết các địa phương của nước ta phổ biến ở mức dao động xung quanh giá trị TBNN (từ  $-196$  giờ đến  $106,6$  giờ). Độ ẩm không khí trung bình tháng ở hầu hết các địa phương trong cả nước có giá trị phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ  $-72\%$  đến  $8\%$ ).

Chi tiết về diễn biến tình hình khí tượng tháng III/2020 ở từng vùng của nước ta như sau:

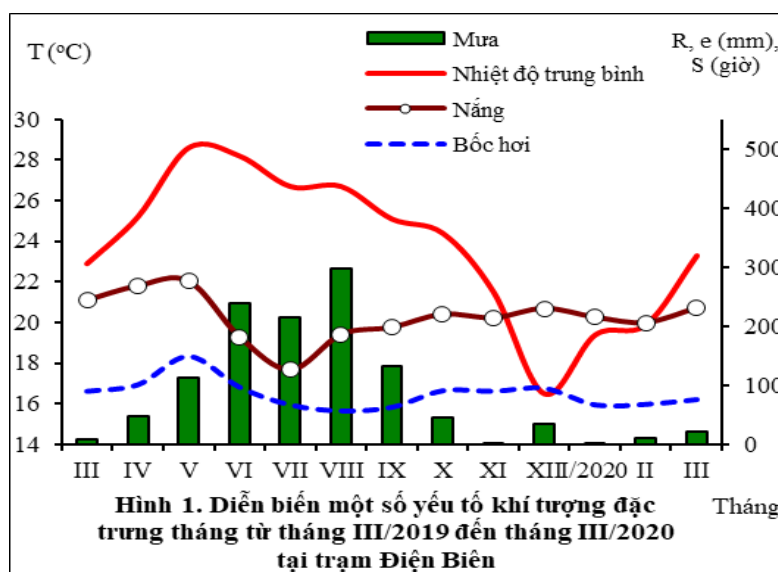
### 1. Vùng Tây Bắc

#### 1.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ các khu vực thuộc vùng Tây Bắc ở mức cao hơn giá trị TBNN ( $1,3^{\circ}\text{C}$  đến  $3,8^{\circ}\text{C}$ ); với giá trị nhiệt độ trung bình tháng dao động từ  $16,9^{\circ}\text{C}$  đến  $25^{\circ}\text{C}$  (hình 10).

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng phổ biến từ  $13,3^{\circ}\text{C}$  đến  $21,1^{\circ}\text{C}$ , giá trị thấp nhất là  $9,6^{\circ}\text{C}$  xảy ra vào ngày 1/III tại Sìn Hồ.

Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ  $22,4^{\circ}\text{C}$  đến  $32,5^{\circ}\text{C}$ , giá trị cao nhất là  $37,2^{\circ}\text{C}$  xảy ra vào các ngày 8/III tại Phù Yên. Sự biến động của nhiệt độ không khí theo thời gian từ tháng III/2019 đến tháng III/2020 tại trạm đại diện cho vùng Tây Bắc (Điện Biên) được thể hiện trên hình 1.



## **1.2. Diễn biến về mưa**

- Tổng lượng mưa tháng III/2020 phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -30,4mm đến 98,7mm. Giá trị tổng lượng mưa tháng phổ biến dao động trong khoảng từ 22mm đến 126mm.

- Lượng mưa ngày cao nhất phổ biến từ 9mm đến 50mm, cao nhất là 76mm Tại Hòa Bình

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 3 đến 20 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 8 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 18 ngày.

Biến trình lượng mưa tháng từ tháng III/2019 đến tháng III/2020 tại Điện Biên được thể hiện trên hình 1.

## **1.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng**

- Số giờ nắng tháng II/2019 phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -81,2 giờ đến 54,5 giờ; giá trị tổng số giờ nắng tháng phổ biến từ 37 giờ đến 231 giờ (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng III/2020 dao động từ 67% đến 89%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -9% đến 6%. Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 10% xảy ra vào ngày 9/III tại Phù Yên.

- Tổng lượng bốc hơi tháng III/2020 có giá trị phổ biến từ 38mm đến 133mm. Lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa (-77mm đến 91mm) Riêng tại trạm Sìn Hồ thấp hơn giá trị lượng mưa 1mm. Lượng bốc hơi ngày cao nhất ở các nơi đo được phổ biến từ 3 - 12mm.

## **1.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt**

- Đông xuất hiện 1-10 ngày.

- Mưa phùn xuất hiện 4 ngày tại Mộc Châu.

- Gió Lào xuất hiện từ 1 – 7 ngày với 1 ngày cường độ mạnh.

## **2. Vùng Việt Bắc**

### **2.1. Diễn biến nhiệt độ**

- Nền nhiệt độ không khí tháng III/2020 vùng Việt Bắc phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (1°C đến 2,9°C) (hình 10). Diễn biến nhiệt độ không khí trung bình tháng theo thời gian tại Việt Trì được thể hiện trên hình 2;

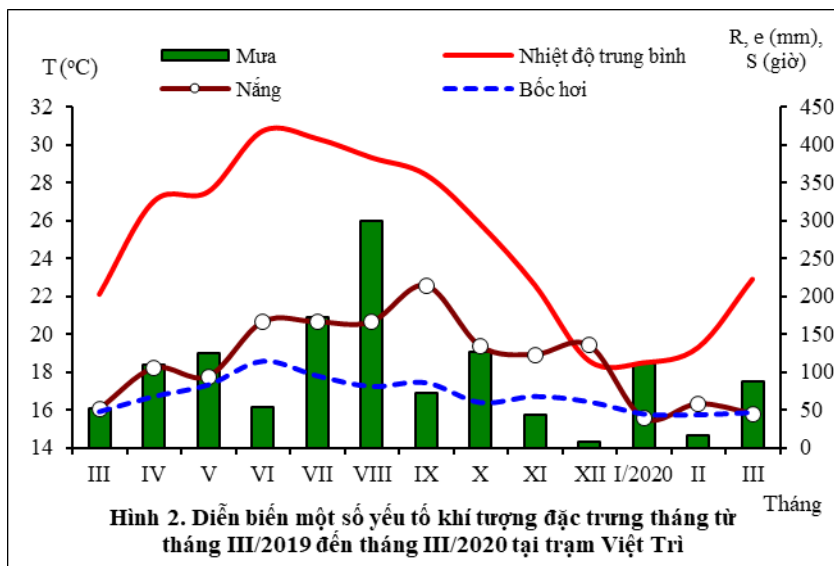
- Giá trị nhiệt độ không khí trung bình tháng phổ biến từ 14,9°C đến 23,2°C;

- Giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ 12,5<sup>0</sup>C đến 21<sup>0</sup>C, nhiệt độ không khí thấp nhất là 7,7<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 6/III tại Bắc Hà.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ 18,4<sup>0</sup>C đến 27,3<sup>0</sup>C, nhiệt độ không khí cao nhất là 36,1<sup>0</sup>C xảy ra vào các ngày 9/III tại Lào Cai.

## 2.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng ở các địa phương trong vùng chủ yếu từ 25mm đến 228mm. Tổng lượng mưa tháng phổ biến ở cao hơn giá trị TBNN từ (31,1mm đến 161,3mm). Diễn biến của tổng lượng mưa tháng từ tháng III/2019 đến tháng III/2020 ở trạm Việt



Hình 2. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng III/2019 đến tháng III/2020 tại trạm Việt Trì

Trì (đại diện cho vùng Việt Bắc) được thể hiện trên hình 2.

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 10mm đến 76mm, cao nhất là 83mm xảy ra vào ngày 4/III tại Hà Giang. Số ngày mưa trong tháng dao động phổ biến từ 10 - 26 ngày. Số ngày mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 14 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 14 ngày.

## 2.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng III/2020 ở các nơi thuộc Việt Bắc có giá trị phổ biến từ 21 giờ đến 159 giờ, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-50,2 giờ đến 1,5 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng III/2020 phổ biến từ 79 đến 93%; phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-2% đến 7%). Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 1+%, xảy ra vào ngày 9/I tại Mù Căng Chải.

- Lượng bốc hơi tháng ở các nơi trong vùng có giá trị phổ biến từ 32mm đến 97mm, và có giá trị ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa (-196mm đến 16mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 3mm đến 46mm.

## 2.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Đông xuất hiện 3 - 9 ngày.

- Gió Lào xuất hiện 1 – 2 ngày với cường độ nhẹ.
- Mưa phùn xuất hiện từ 1 – 10 ngày.

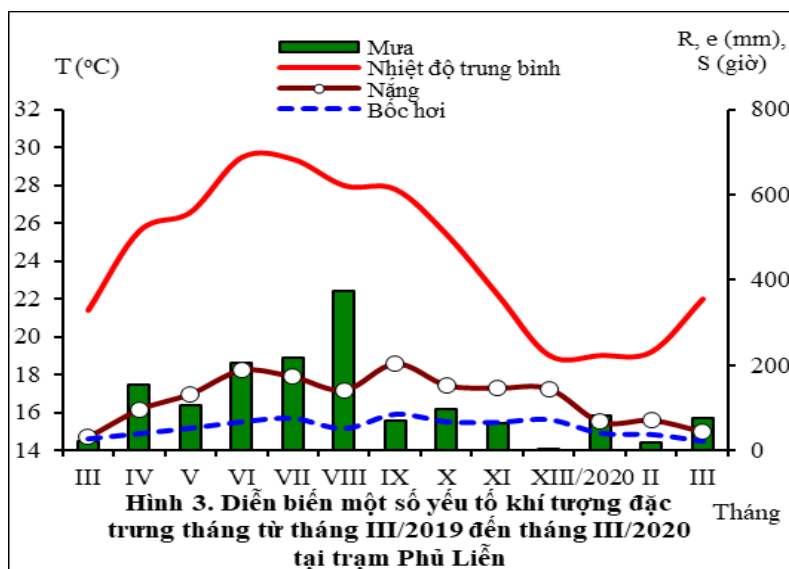
### 3. Vùng Đông Bắc

#### 3.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở các nơi trong vùng ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (1,1 đến 3,1<sup>0</sup>C); có giá trị dao động từ 18,9<sup>0</sup>C đến 22,8<sup>0</sup>C (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ 22,6<sup>0</sup>C đến 25,8<sup>0</sup>C, giá trị nhiệt độ cao nhất là 34,8<sup>0</sup>C xảy ra vào các ngày 9/III tại Sơn Động.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ 16,5<sup>0</sup>C đến 21,2<sup>0</sup>C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 11,4<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 5/III tại Trùng Khánh. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tháng theo thời gian tại Phù Liễn được thể hiện trên hình 3.



Hình 3. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng III/2019 đến tháng III/2020 tại trạm Phù Liễn

#### 3.2. Diễn biến về mưa

- Lượng mưa tháng III/2020 dao động phổ biến từ 37mm đến 195mm, phổ biến ở mức cao hơn giá trị TBNN từ (13,9 mm đến 155,7mm) (hình 11). Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất dao động phổ biến từ 3 đến 78mm.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 13 - 21 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 11 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 11 ngày. Có thể thấy diễn biến theo thời gian của tổng lượng mưa tháng tại trạm đại diện cho vùng Đông Bắc (trạm Phù Liễn) ở hình 3.

#### 3.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng tháng III/2020 đo được ở các nơi trong vùng ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-24,8 giờ đến 94,2 giờ). (hình 12) và phổ biến dao động trong khoảng từ 26 giờ đến 173 giờ.

- Độ ẩm không khí trung bình tháng III/2020 ở các nơi dao động phổ biến từ 83 đến 94%, ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ 1%

đến 8%; giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 39% xảy ra vào ngày 9/III tại Thất Khê.

- Lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 21mm đến 67mm. Lượng bốc hơi các khu vực trong vùng phổ biến ở mức thấp hơn giá trị lượng mưa (-152mm đến -8mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất từ 2 - 7mm (hình 14).

### 3.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Mưa phùn xuất hiện từ 1 – 10 ngày.
- Đông xuất hiện 2 – 8 ngày ở tất các trạm.

## 4. Vùng Đồng bằng Bắc Bộ

### 4.1. Diễn biến nhiệt độ

Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở các nơi trong vùng có giá trị dao động từ 22,1<sup>0</sup>C đến 23,2<sup>0</sup>C, ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (từ 2<sup>0</sup>C đến 3,3<sup>0</sup>C) (hình 10);

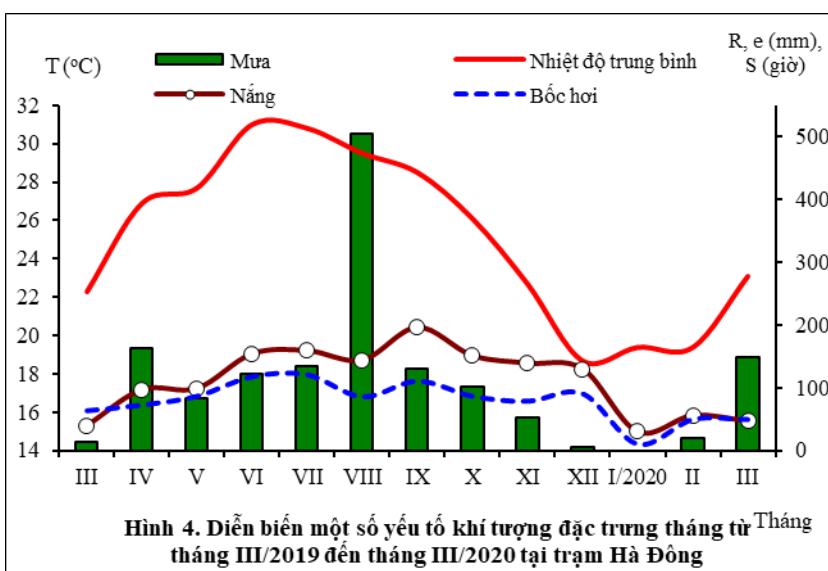
- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 23,7<sup>0</sup>C đến 26,3<sup>0</sup>C, giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 34,9<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 9/III tại Láng;

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng ở các nơi từ 20,8<sup>0</sup>C đến 21,3<sup>0</sup>C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 14,9<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 5/III tại Bắc Ninh. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại trạm Hà Đông được thể hiện trên hình 4.

### 4.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng phổ biến ở mức cao hơn giá trị TBNN từ 4,2mm đến 172,2mm, (hình 11) và có giá trị dao động phổ biến từ 50mm đến 215mm.

- Lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 31 đến 113mm, cao nhất là 120mm xảy ra vào ngày 3/III tại Láng, số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 12 đến 22 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 14 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 8 ngày. Biến trình tổng lượng mưa tháng tại trạm Hà Đông được



Hình 4. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng III/2019 đến tháng III/2020 tại trạm Hà Đông

thể hiện trên hình 4.

#### 4.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng III/2020 ở các nơi trong vùng dao động từ 31 giờ đến 53 giờ; có giá trị ở mức cao hơn giá trị TBNN (từ -16,7 giờ đến 3,1 giờ, hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng từ 82% đến 93%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-5% đến 3%) (hình 13); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 45% xảy ra vào ngày 10/III tại Sơn Tây.

- Lượng bốc hơi vùng Đồng bằng Bắc Bộ phổ biến từ 26mm đến 56mm; lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 2 đến 5mm. Lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức thấp hơn giá trị lượng mưa tháng từ -178mm đến -19mm.

#### 4.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Đông xuất hiện 1 - 7 ngày .
- Mưa phùn xuất hiện 3 - 15 ngày.

### 5. Vùng Bắc Trung Bộ

#### 5.1. Diễn biến nhiệt độ

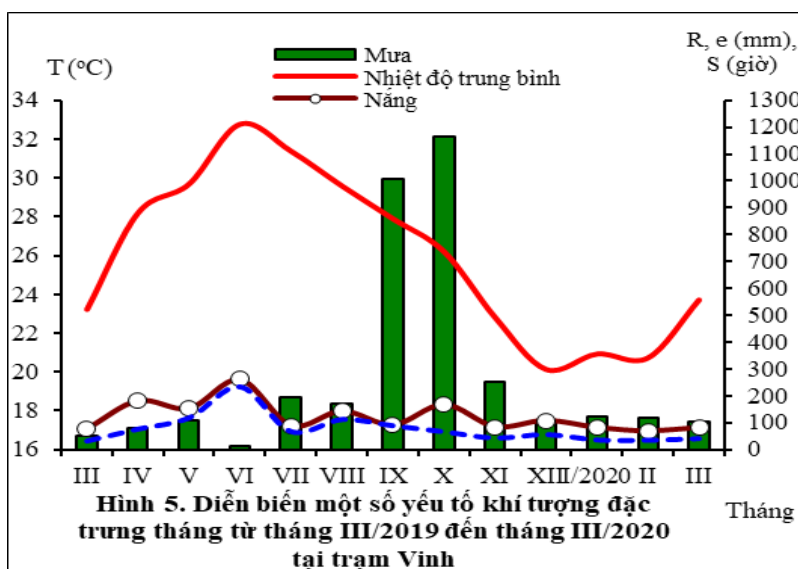
- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 2,5<sup>0</sup>C đến 4,1<sup>0</sup>C) (hình 10) và có giá trị từ 22,7<sup>0</sup>C đến 24,8<sup>0</sup>C.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 25,2<sup>0</sup>C đến 30,2<sup>0</sup>C, giá trị nhiệt độ cao nhất là 38,4<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 9/III tại Cửa Rào.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 19,7<sup>0</sup>C đến 21,9<sup>0</sup>C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 15,3<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 5/III tại Yên Định. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại Vinh được thể hiện trên hình 5.

#### 5.2. Diễn biến về mưa

- Trong tháng III/2020, Khu vực Bắc Trung Bộ có lượng mưa từ 41mm đến



138mm, cao hơn giá trị TBNN từ 17,5mm đến 108,6mm riêng tại Con Cuông thấp hơn TBNN 2,6mm(hình 11).

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 9 đến 98mm, cao nhất là 121mm xảy ra vào ngày 4/III tại Tây Hiếu.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 8 - 17 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 6 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 14 ngày. Biến trình tổng lượng mưa tháng tại Vinh được thể hiện trên hình 5.

### **5.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng**

- Số giờ nắng trong tháng dao động phổ biến từ 50 đến 118 giờ, tổng số giờ nắng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -10,9 giờ đến 17,2 giờ, hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 84% đến 92%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-6% đến 3%); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 30% xảy ra vào ngày 9/III tại Cửa Rào.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 35mm đến 84mm, lượng bốc hơi ngày lớn nhất phổ biến từ 2 - 7mm. Lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa (-94mm đến 10mm).

### **5.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt**

- Đông xuất hiện từ 1 – 5 ngày.

- Gió Lào xuất hiện từ 2 – 7 ngày với 3 ngày cường độ mạnh.

- Mưa phùn xuất hiện từ 1 – 11 ngày.

## **6. Vùng Trung Trung Bộ**

### **6.1. Diễn biến nhiệt độ**

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng III/2020 từ 23,5<sup>0</sup>C đến 26,9<sup>0</sup>C, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc lớn hơn giá trị TBNN (1,9<sup>0</sup>C đến 3<sup>0</sup>C) (hình 10). Có thể thấy được biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại trạm đại diện cho Trung Trung Bộ (Đà Nẵng) trên hình 6.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 27,5<sup>0</sup>C đến 32,9<sup>0</sup>C, giá trị nhiệt độ cao nhất là 38,9<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 30/III tại Nam Đông và ngày 9/III tại Đông Hà.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 19,7<sup>0</sup>C đến 24,4<sup>0</sup>C, giá trị nhiệt độ thấp nhất là 16,8<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 9/III tại A Lưới.

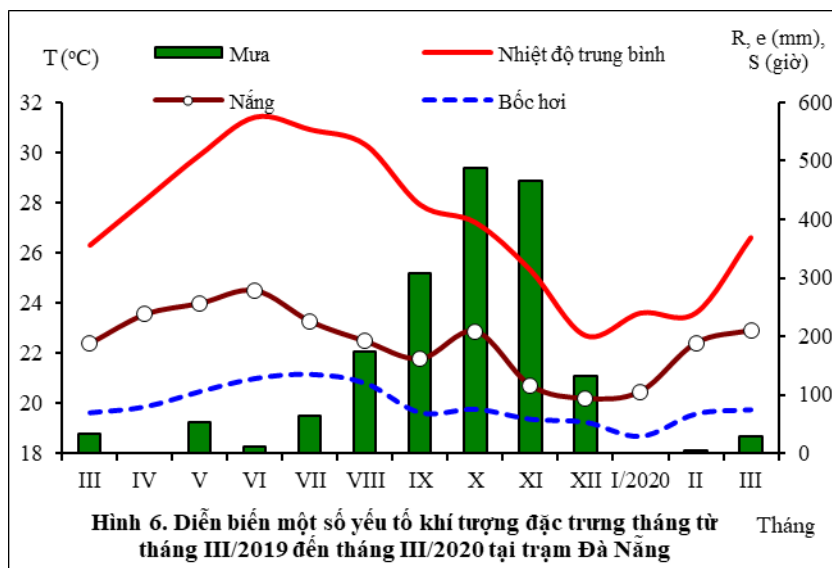
## 6.2. Diễn biến về mưa

- Lượng mưa trong tháng III/2020 ở Khu vực Bắc Trung Bộ dao động từ 1mm đến 123mm. Lượng mưa ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-27mm đến 22,5mm).

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất ở vùng phía Bắc phổ biến từ 1 đến 47mm, cao nhất là 62mm xảy ra ngày 4/III tại Tuyên Hóa.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 3 đến 12 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 5 ngày; số ngày không mưa

liên tục phổ biến từ 5 đến 24 ngày. Có thể xem biến trình tổng lượng mưa tháng tại Đà Nẵng từ tháng III/2019 đến tháng III/2020 trên hình 6.



Hình 6. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng III/2019 đến tháng III/2020 tại trạm Đà Nẵng

## 6.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng trong tháng phổ biến từ 98 giờ đến 270 giờ. Phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-15,4 giờ đến 106,6 giờ) (Hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 81% đến 90%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -3% đến 3% riêng tại Trà My lớn hơn giá trị TBNN 4%. Giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 28% xảy ra ngày 9/III tại Đông Hà.

- Tổng lượng bốc hơi tháng dao động phổ biến từ 39mm đến 97mm, lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 3 đến 9mm. Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa (-22mm đến 86mm).

## 6.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Đông xuất hiện từ 1 – 12 ngày.

- Gió Lào xuất hiện từ 1 – 7 ngày với 5 ngày cường độ mạnh.

## 7. Vùng Nam Trung Bộ

### 7.1. Diễn biến nhiệt độ

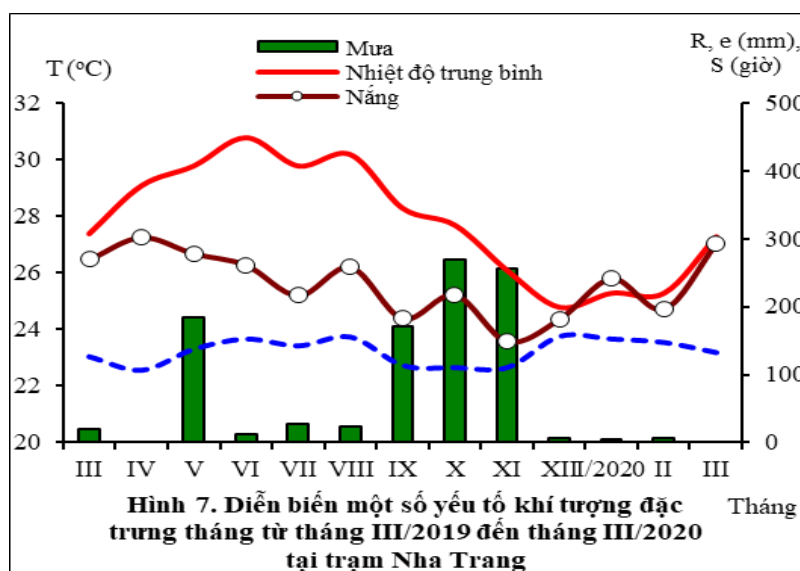
- Nhiệt độ không khí trung bình tháng III/2020 từ 26,2°C đến 27,7°C, ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 1,1 đến 1,9°C (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 30,3°C đến 33,5°C giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 37,3°C xảy ra vào ngày 9/III tại Hoài Nhơn.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 22,8°C đến 25°C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 21,3°C, xảy ra vào ngày 2/III tại Hoài Nhơn. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại Nha Trang từ tháng III/2019 đến tháng III/2020 được thể hiện trên hình 7.

### 7.2. Diễn biến về mưa

- Trong tháng III/2020, lượng mưa tháng ở các địa phương trong vùng thấp hầu như không riêng Hoài Nhơn 0,3mm và Cam Ranh 3,2mm. Tổng lượng mưa tháng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (từ -32,4mm đến -4,7 mm). Diễn biến tổng lượng mưa tháng từ tháng III/2019 đến tháng III/2020 tại trạm Quy Nhơn được thể hiện trên hình 7.



Hình 7. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng III/2019 đến tháng III/2020 tại trạm Nha Trang

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 0,2mm đến 3,2mm.

- Số ngày mưa trong tháng ở các địa phương phổ biến từ 1 đến 2 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến trong 1 ngày; số ngày không mưa liên tục trong tháng phổ biến từ 15 đến 31 ngày.

### 7.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng III/2020 ở các nơi trong vùng phổ biến từ 285 giờ đến 330 giờ; số giờ nắng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (19,9 giờ đến 55,8 giờ);

- Độ ẩm không khí trung bình tháng từ 74% đến 84%, phổ biến ở xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -3% đến 3% (hình 13); giá trị độ ẩm

không khí thấp nhất là 43% xảy ra vào ngày 9/III tại Hoài Nhon.

- Lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 83mm đến 155mm, lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 4 đến 26mm. Lượng bốc hơi các nơi trong vùng ở mức cao hơn giá trị lượng mưa (83mm đến 133mm).

#### 7.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

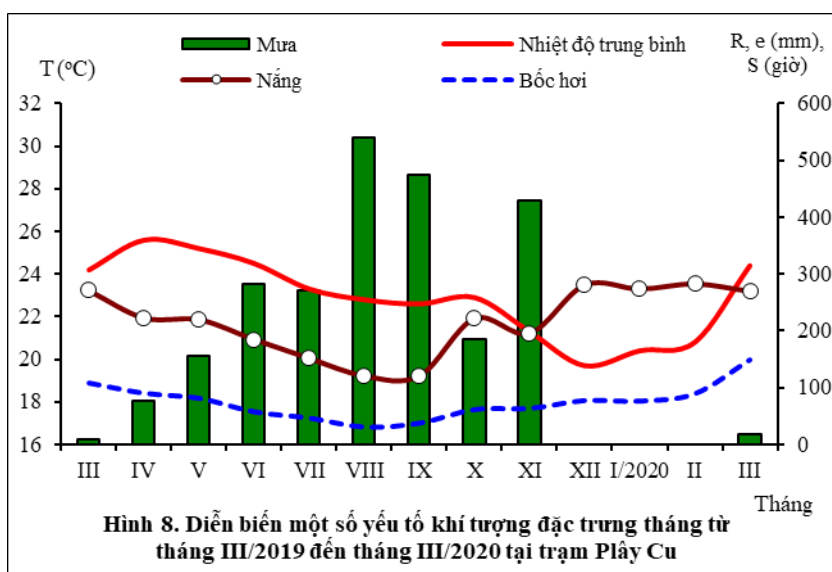
- Gió lào xuất hiện 2 ngày tại Hoài Nhon, trong đó có 1 ngày với cường độ mạnh.

### 8. Vùng Tây Nguyên

#### 8.1. Diễn biến nhiệt độ

Giá trị nhiệt độ không khí trung bình tháng III/2020 từ 18,9<sup>0</sup>C đến 28,3<sup>0</sup>C; phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 0,6<sup>0</sup>C đến 1,9<sup>0</sup>C (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ 26,1<sup>0</sup>C đến 34,4<sup>0</sup>C; giá trị nhiệt độ



Hình 8. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng III/2019 đến tháng III/2020 tại trạm Plây Cu

không khí cao nhất là 39,1<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 10/III tại Ayunpa.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ 14,3<sup>0</sup>C đến 22,6<sup>0</sup>C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 12,6<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 12/III tại Đà Lạt. Có thể xem diễn biến nhiệt độ trung bình tháng từ tháng III/2019 đến tháng III/2020 ở trạm Plây Cu đại diện cho vùng Tây Nguyên trên hình 8.

#### 8.2. Diễn biến về mưa

- Tháng III/2020 lượng mưa phổ biến từ 18mm – 153mm, tại Ayunpa, An Khê, Buôn Mê Thuột, M’Đrắk không mưa. Phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -22,2mm đến 66,1mm).

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 14mm đến 32mm cao nhất là 43mm xảy ra vào ngày 17/III tại Bảo Lộc. Số ngày mưa các nơi trong vùng phổ biến từ 1 đến 12 ngày, trong đó số ngày mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 4 ngày, số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 9 đến 31 ngày. Diễn biến tổng lượng mưa tháng từ tháng III/2019 đến tháng III/2020 tại trạm Plây Cu được thể hiện

trên hình 8.

### 8.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng III/2020 phổ biến từ 211 giờ đến 298 giờ. Phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-68,4 giờ đến 24 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -4% đến 5% (hình 13), có giá trị phổ biến từ 63% đến 78%; độ ẩm không khí thấp nhất là 21% xảy ra vào ngày 18/III tại Đắk Tô.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 66mm đến 191mm. Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 4 đến 8mm. Lượng bốc hơi ở các nơi trong vùng xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa (-68mm đến 168mm).

### 8.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Đông xuất hiện 1 - 12 ngày.

- Gió Lào xuất hiện từ 1 – 19 ngày trong đó có 1 ngày xuất hiện với cường độ mạnh tại Ayunpa và Kon Tum

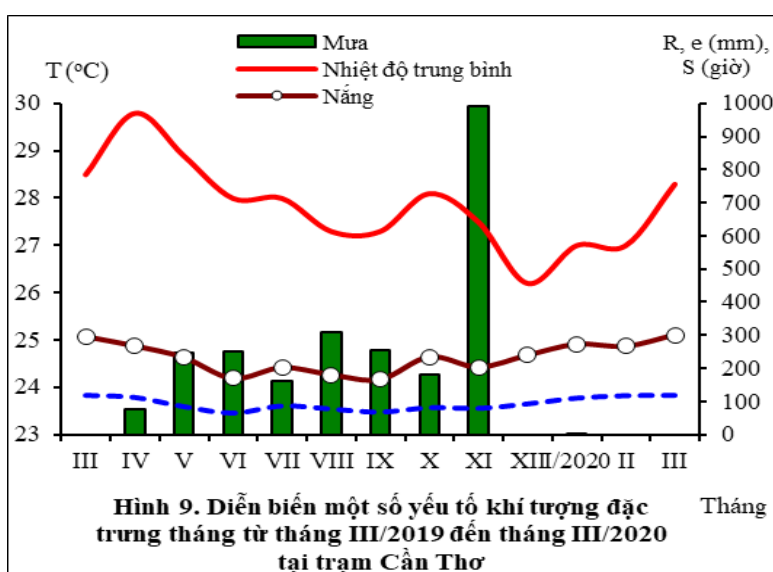
## 9. Vùng Nam Bộ

### 9.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng III/2020 từ 23,6<sup>0</sup>C đến 33,3<sup>0</sup>C phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (0,2<sup>0</sup>C đến 5,7<sup>0</sup>C) (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 25,5<sup>0</sup>C đến 36,1<sup>0</sup>C, giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 38,5<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 16/III tại Biên Hòa.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 19,8<sup>0</sup>C đến 35,2<sup>0</sup>C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 17,7<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 22/III tại Phước Long. Hình 9 thể hiện diễn biến của nhiệt độ trung bình tháng từ tháng III/2019 đến tháng III/2020 tại trạm Cần Thơ.



### **9.2. Diễn biến về mưa**

- Lượng mưa tháng III/2020 thấp, hầu như không mưa, tại Trị An tổng lượng mưa là 3mm, Rạch Giá 11mm, Cà mau là 76mm. Ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-27mm đến 41,7mm).

- Lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến dao động từ 2mm đến 76mm.

- Số ngày mưa trong tháng dao động từ 1 đến 2 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 20 đến 31 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 2 ngày.

### **9.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng**

- Tổng số giờ nắng tháng III/2020 phổ biến từ 111 giờ đến 311 giờ; ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-196 giờ đến 34,9 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 61% đến 81%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ - 72% đến 6% (hình 13). Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 22% xảy ra vào ngày 20/III tại Xuân Lộc.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 15mm đến 200mm, lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 4 đến 55mm; lượng bốc hơi tháng ở mức cao hơn giá trị lượng mưa tháng (15mm đến 145mm).

### **9.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt**

- Đông xuất hiện 1 ngày tại Trị An và Rạch Giá, Sóc Trăng.

- Gió lào xuất hiện từ 3 – 27 ngày trong đó 6 ngày với cường độ mạnh.

## **II. ẢNH HƯỞNG CỦA ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG ĐỐI VỚI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRONG THÁNG III/2020**

Điều kiện KTNN tháng III/2020 ở nhiều vùng trong cả nước không thực sự thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp do nền nhiệt cao hơn TBNN, tổng lượng mưa tháng quá ít, nhiều vùng cả tháng không có mưa trong khi đó lượng bốc hơi cao, tình trạng thiếu nước cho sản xuất nông nghiệp tiếp tục kéo dài. Ở các tỉnh phía Bắc, một số đợt không khí lạnh tăng cường vào đầu tháng III kèm theo mưa nhỏ, mưa phùn, trời nồm ẩm làm ảnh hưởng đến tiến độ sản xuất vụ đông xuân 2019-2020. Ở các tỉnh phía Nam mưa ít, các đợt xâm nhập mặn, triều cường gia tăng gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long.

Trong tháng các địa phương phía Bắc đã cơ bản hoàn thành gieo cấy lúa đông xuân muộn, gieo trồng các loại rau màu còn thời vụ, tập trung chăm sóc và phòng trừ sâu bệnh cho lúa và rau màu vụ đông xuân. Các địa phương phía Nam tập trung thu hoạch lúa đông xuân; một số tỉnh bắt đầu xuống giống lúa hè thu và gieo trồng rau màu, cây công nghiệp ngăn ngày vụ hè thu.

Thiên tai trong tháng III/2020 chủ yếu là mưa đá, mưa lớn, giông lốc, xâm nhập mặn và sạt lở sụt lún đất làm gần 24,3 nghìn ha lúa và hơn 6 nghìn ha hoa màu bị hư hỏng. Một số địa phương chịu thiệt hại nhiều do thiên tai như: Cà Mau 1.245 ha lúa và hoa màu; Tiền Giang 4,2 nghìn ha lúa và 5,6 nghìn ha hoa màu; Bến Tre hơn 4,6 nghìn ha lúa và hoa màu bị hư hỏng.

Thiệt hại do dông, lốc, sét và mưa đá, tại 05 tỉnh Yên Bái, Hà Giang, Tuyên Quang, Lai Châu và Sơn La tối từ tối 2/3 đến 3/3 đã làm 371 ha lúa; 360 ha hoa màu; 62,0 ha cây trồng lâu năm, 352 ha cây ăn quả, 15 ha rừng keo bị thiệt hại; 106 con gia súc và 77 con gia cầm bị lũ cuốn trôi.

Mưa đá xảy ra ngày 17/3 tại 8 tỉnh gồm: Lào Cai, Tuyên Quang, Lai Châu, Yên Bái, Phú Thọ, Bắc Kạn, Sơn La, Hà Giang khiến 1.028 ha hoa màu gãy đổ; 214 con gia súc, gia cầm bị chết.

Khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, tình hình hạn hán tiếp tục kéo dài ảnh hưởng lớn đến SXNN. Từ đầu năm 2020 đến nay, lượng mưa ở các tỉnh Nam Trung bộ và Tây Nguyên đã suy giảm đáng kể do lượng mưa thấp hơn TBNN. Do đó, trữ lượng nước ở các hồ chứa thủy lợi hiện rất thấp. Thời điểm cuối tháng 2-2020, lượng nước tại các hồ chứa ở khu vực Nam Trung bộ chỉ đạt từ 31-87% dung tích thiết kế, thấp hơn cùng kỳ năm 2019 tới 22%, tại Tây Nguyên, chỉ đạt từ 59-73%, thấp hơn cùng kỳ năm 2019 6%. Khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên có tổng cộng khoảng 1.392ha sản xuất nông nghiệp (1.157ha lúa, 235ha cà phê) đang bị thiếu nước. Trong đó, tỉnh Quảng Nam có khoảng 351ha lúa, Bình Thuận 500ha lúa. Khoảng 300ha lúa của tỉnh Khánh Hòa đang phải sử dụng các giải pháp bơm tát chống hạn. Trên lưu vực sông Sê San, khoảng 6ha lúa thuộc địa phận xã Ngọc Réo, huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum bị thiếu nước, có nguy cơ bị hạn hán. Trên lưu vực sông Sêrêpôk, khoảng 235ha cà phê của người dân huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk và huyện Cư Jút, Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông bị ảnh hưởng do hạn hán, thiếu nước

Tại Ninh Thuận, đến thời điểm hiện tại, diện tích lúa bị thiệt hại do hạn hán gây ra trên địa bàn tỉnh là 397,8 ha; diện tích phải dừng sản xuất vụ Đông Xuân 2019-2020 là: 7.873,8 ha (cây lúa: 4.556,5 ha, cây màu: 3.317,3 ha). Tỉnh Bình Phước có khoảng 337 ha diện tích cây trồng vùng ngoài khu tưới công trình thủy lợi đang bị ảnh hưởng bởi hạn hán, tập trung ở các huyện: Lộc Ninh

40,8 ha (10,6 ha lúa; 1,8 ha cây hàng năm khác; 15,5 ha tiêu và 12,9 ha cây ăn trái và cây lâu năm khác); Bình Long 215 ha (7,8 ha lúa; 6,5 ha tiêu; 200,8 ha cây ăn trái và cây lâu năm khác), Hớn Quản 38,3 ha (30 ha lúa; 8,3 ha tiêu) và Bù Đăng 83 ha.

Ở khu vực Nam Bộ, đặc biệt là ĐBSCL, tình trạng xâm nhập mặn tiếp tục diễn ra gay gắt trong tháng III. Hiện nay ranh mặn 4‰ trên sông Vàm Cỏ xâm nhập sâu từ 100-110km vào thời điểm giữa tháng III, sâu hơn cùng kỳ năm 2016 khoảng 5km. Trên sông Cửu Long, mặn xâm nhập khoảng 60km, sâu hơn cùng kỳ năm 2016 khoảng 8km; còn trên sông Cỏ Chiên phạm vi ảnh hưởng khoảng 70km, sâu hơn cùng kỳ năm 2016 hơn 5km; ở sông Hậu phạm vi độ mặn 4‰ ảnh hưởng tới 70km, sâu hơn cùng kỳ năm 2016 khoảng 6km...

Theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, đến nay, tổng thiệt hại do hạn mặn gây ra tại khu vực đồng bằng sông Cửu Long vào khoảng 39.000 ha đối với lúa vụ mùa 2019 và đông xuân 2019-2020. Cụ thể, hạn mặn đã làm ảnh hưởng trên 30% năng suất, khoảng 39.000 ha, bao gồm vụ mùa 16.000 ha và đông xuân 23.000 ha, chiếm khoảng 1,2% tổng diện tích gieo trồng, bằng 9,6% diện tích bị ảnh hưởng năm 2015-2016. Vụ đông xuân 2019-2020 toàn vùng Đồng bằng sông Cửu Long xuống giống được 1,54 triệu ha lúa, đến nay đã thu hoạch 1 triệu ha. Hiện các diện tích cây ăn trái chưa bị ảnh hưởng do được bảo vệ của hệ thống đê bao, bờ bao. Tuy nhiên, nguồn nước ngọt được tích trữ phục vụ tưới cây tại nhiều nơi đang dần cạn kiệt, nếu xâm nhập mặn kéo dài đến tháng 4 sẽ có nhiều diện tích bị ảnh hưởng.

Tại Tiền Giang người dân trồng cây ăn trái phía Nam Quốc lộ 1A của các huyện phía Tây của tỉnh không có nguồn nước ngọt để tưới cho cây ăn trái. vùng phía Tây hiện nay có 25.843ha cây ăn trái đang bị thiếu nước tưới, suy kiệt cần hỗ trợ kịp thời. Trong đó, chủ yếu là sầu riêng với diện tích là 13.043ha. Còn lại là cây mít (6.337ha), bưởi, chôm chôm, vú sữa. Riêng tại các huyện phía Đông, trong vùng dự án ngọt hoá Gò Công, hiện có 2.222ha cây ăn trái như thanh long, mít, bưởi,..đang cần ưu tiên cung cấp nước tưới do bị suy kiệt.

Tỉnh Cà Mau: do ảnh hưởng của hạn hán, xâm nhập mặn kéo dài, nguồn nước trên hệ thống kênh, rạch vùng ngọt hóa tỉnh Cà Mau khô cạn gần như hoàn toàn, làm thiệt hại hơn 18.000ha lúa, hoa màu. Toàn tỉnh Cà Mau hiện có hơn 20.000 hộ dân đang thiếu nước ngọt phục vụ nhu cầu sinh hoạt, sản xuất, nuôi trồng thủy sản. 42.000ha rừng U Minh Hạ cũng bị khô cạn hoàn toàn, trong đó, có 12.000ha rừng đang dự báo cấp cháy cực kỳ nguy hiểm.

## **2.1. Đối với cây lúa**

Tính đến cuối tháng III, cả nước gieo trồng được 2.998,7 nghìn ha lúa đông xuân, bằng 97% cùng kỳ năm trước, trong đó các địa phương phía Bắc đạt 1.076,8 nghìn ha, bằng 98,9%; các địa phương phía Nam đạt 1.921,9 nghìn ha, bằng 96%. Tại các địa phương phía Bắc, thời tiết nắng ấm cùng nguồn nước tưới được cung ứng hợp lý tạo điều kiện thuận lợi cho việc gieo trồng lúa. Hiện nay, cây lúa đang trong giai đoạn đẻ nhánh, làm đòng, sinh trưởng và phát triển tốt. Tuy nhiên dự báo thời tiết sẽ nắng nóng, sâu bệnh gây hại diễn biến phức tạp, cần theo dõi sát diễn biến tình hình sâu bệnh và xử lý kịp thời các ổ bệnh để không ảnh hưởng đến sự phát triển của cây lúa. Sản xuất lúa đông xuân ở các địa phương phía Nam gặp khó khăn do tình trạng hạn hán và xâm nhập mặn nghiêm trọng, riêng diện tích gieo trồng lúa đông xuân vùng Đồng bằng sông Cửu Long năm nay đạt 1.546,4 nghìn ha, giảm 57,9 nghìn ha so với cùng kỳ năm trước. Một số địa phương có diện tích lúa giảm nhiều là: Bình Thuận giảm 15,5 nghìn ha; Sóc Trăng giảm 15,4 nghìn ha; Trà Vinh giảm 8,2 nghìn ha; Ninh Thuận giảm 5,1 nghìn ha. Đến nay, các địa phương phía Nam đã thu hoạch 1.143,1 nghìn ha lúa đông xuân, bằng 105,9% cùng kỳ năm trước, trong đó vùng Đồng bằng sông Cửu Long thu hoạch 1.121 nghìn ha, bằng 105,9% với năng suất ước tính đạt 68,6 tạ/ha, tăng 0,8 tạ/ha so với vụ đông xuân năm trước. Có được kết quả này là do ngành Nông nghiệp đã chủ động triển khai các giải pháp phòng chống và ứng phó với tình trạng xâm nhập mặn, sử dụng các loại giống lúa ít bị nhiễm sâu bệnh cho năng suất cao. Xâm nhập mặn ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long đang có xu hướng tăng cao, tính đến ngày 20/3/2020 có 33,8 nghìn ha lúa đông xuân bị nhiễm mặn, trong đó diện tích mất trắng là 20,2 nghìn ha, chiếm 1,3% diện tích gieo trồng. Một số địa phương có diện tích lúa đông xuân bị thiệt hại nhiều do xâm nhập mặn: Trà Vinh 6,8 nghìn ha, Bến Tre 5,3 nghìn ha, Sóc Trăng 3,6 nghìn ha.

Đến trung tuần tháng Ba, vùng Đồng bằng sông Cửu Long kết thúc thu hoạch lúa vụ mùa 2019-2020. Theo báo cáo sơ bộ của các địa phương, diện tích gieo trồng lúa mùa của toàn vùng ước tính đạt 169,2 nghìn ha, giảm 2,5 nghìn ha so với cùng kỳ năm trước; năng suất đạt 44,5 tạ/ha, giảm 0,9 tạ/ha; sản lượng đạt 753,2 nghìn tấn, giảm 26,6 nghìn tấn. Diện tích lúa bị nhiễm mặn làm năng suất lúa mùa giảm, đồng thời việc chuyển đổi diện tích trồng lúa mùa sang nuôi trồng thủy sản ở một số địa phương đã ảnh hưởng tới kết quả sản xuất vụ mùa của toàn vùng. Một số địa phương có diện tích gieo trồng lúa mùa giảm so với cùng kỳ năm trước: Cà Mau giảm 2,1 nghìn ha; Kiên Giang giảm 1,5 nghìn ha, Bến Tre giảm 0,8 nghìn ha.

## ***2.2. Đối với các loại rau màu và cây công nghiệp***

Tính đến giữa tháng Ba, các địa phương trong cả nước đã gieo trồng được 312,9 nghìn ha ngô, bằng 98,7% cùng kỳ năm trước; 56 nghìn ha khoai lang, bằng 91,1%; 13,4 nghìn ha đỗ tương, bằng 89,3%; 113 nghìn ha lạc, bằng 93,5%; 543,8 nghìn ha rau đậu, bằng 101,5%.

Trong quý I/2020, một số cây công nghiệp lâu năm đã cho thu hoạch, trong đó: Sản lượng điều đạt 149,8 nghìn tấn, tăng 6% so với cùng kỳ năm trước; hồ tiêu đạt 137,6 nghìn tấn, tăng 2%; cao su đạt 115,1 nghìn tấn, tăng 3,5%. Sản lượng một số loại cây ăn quả tăng: Bưởi đạt 140 nghìn tấn, tăng 12%; thanh long đạt 390 nghìn tấn, tăng 10%; cam đạt 229,3 nghìn tấn, tăng 8%; xoài đạt 107,7 nghìn tấn, tăng 4,5%; dứa đạt 245,3 nghìn tấn, tăng 3%; nhãn đạt 82,6 nghìn tấn, tăng 3%; chôm chôm đạt 41,9 nghìn tấn, tăng 1,9%; chuối đạt 592,4 nghìn tấn, tăng 1,3%.

Chè lớn búp hái ở Mộc Châu, sinh trưởng kém trên đất ẩm trung bình. Chè lớn lá thật thứ nhất ở Phú Hộ, sinh trưởng trung bình, đất ẩm. Chè Ba Vì đang nảy chồi, sinh trưởng trung bình, đất ẩm trung bình.

Cà phê Eakmat đang đâm chồi, sinh trưởng tốt. Cà phê Xuân Lộc đang hình thành quả, sinh trưởng trung bình trên đất ẩm (bảng 1)

Bảng 1. Số liệu khí tượng nông nghiệp tuần 3 tháng III/2020

Các vùng sinh thái nông nghiệp	Trạm	Các giai đoạn phát triển của cây trồng	Trạng thái sinh trưởng của cây trồng	Độ ẩm đất	Tác động của thiên tai, sâu bệnh
Tây Bắc, Việt Bắc	Mộc Châu	Chè lớn búp hái	Kém	TB	
	Điện Biên	Lúa chiêm mọc đống	TB	3 cm	
	Văn Chấn	Lúa chiêm mọc đống	TB	3 cm	
	Tuyên Quang	Lúa chiêm đẻ nhánh	TB	Ẩm	
Đông Bắc	Uông Bí	Lúa chiêm đẻ nhánh	Khá	4 cm	
	Lạng Sơn	Ngô mọc mầm	Tb	Ẩm	
		Lúa xuân mọc mầm	TB	Ẩm	
	Bắc Giang	Lúa xuân mọc mầm	TB	Ẩm	

Trung du Bắc Bộ Đồng bằng Sông Hồng	Phú Hộ	Chè lớn lá thật thứ nhất	TB	Âm	
	Ba Vì	Chè lớn nảy chồi	TB	TB	
	Hà Đông	Lúa xuân đẻ nhánh	TB	4cm	
	Hưng Yên	Lúa xuân đẻ nhánh	Khá	3cm	
	Nam Định	Lúa chiêm mọc dón	Khá	11cm	
	Ninh Bình	Lúa xuân đẻ nhánh	TB	3cm	
	Thái Bình	Lúa xuân đẻ nhánh	Khá	4cm	
Bắc Trung Bộ	Yên Định	Lạc nở hoa	TB	âm	
		Đậu tương ra quả	TB	âm	
	Thanh Hoá	Lúa chiêm đẻ nhánh	TB	4cm	
	Quỳnh Lưu	Lúa chiêm mọc dón	TB	4cm	
	Đô Lương	Lúa xuân mọc dón	Khá	3cm	
Trung Trung Bộ	Huế	Lúa xuân mọc dón	TB	3cm	
Tây Nguyên	Eakmat	Cà phê đâm chồi	Tốt	TB	
Nam Bộ	Xuân Lộc	Cà phê hình thành quả	TB	âm	
	Trà Nóc	Lúa xuân hè đẻ nhánh	Khá	Khô	Hạn
	Mỹ Tho	Lúa xuân mọc dón	TB	Khô	Hạn

### 2.3. Tình hình sâu bệnh

- *Rầy hại lúa*: Diện tích nhiễm 7.944 ha (tăng 1.807 ha so với kỳ trước, tăng 1.632 ha so với CKNT). Phân bố chủ yếu tại các tỉnh Kiên Giang, An Giang, Vĩnh Long, Tiền Giang, Bình Thuận, Lâm Đồng...

- *Bệnh đạo ôn*

+ *Bệnh đạo ôn hại lá*: Diện tích nhiễm 11.688 ha (tăng 2.050 ha so với kỳ trước, giảm 2.131 ha so với CKNT) mất trắng 22 ha (Nghệ An 20,1 ha; Hà Tĩnh 1,8 ha; TT Huế 0,1 ha), phòng trừ 1.931 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long và các tỉnh Duyên Hải nam Trung bộ.

+ *Bệnh đạo ôn cổ bông*: Diện tích nhiễm 4.013 ha (tăng 1.240 ha so với kỳ trước, tăng 1.598 ha so với CKNT). Tập trung các tỉnh phía Nam.

- *Bệnh khô vằn*: Diện tích nhiễm 6.862 ha (tăng 157 ha so với kỳ trước, giảm 9.558 ha so với CKNT). Phân bố chủ yếu tại các tỉnh Vĩnh Long, Bạc Liêu, Tây Ninh,...

- *Bệnh đen lép hạt*: Diện tích nhiễm 7.813 ha (tăng 1.898 ha so với kỳ

trước, tăng 6.362 ha so với CKNT). Phân bố chủ yếu tại các tỉnh Kiên Giang, Sóc Trăng, An Giang, Hậu Giang, Cà Mau.

- *Bệnh bạc lá*: Diện tích nhiễm 4.996 ha ( giảm 352 ha so với kỳ trước, tăng 1.365 ha so với CKNT). Phân bố ở các tỉnh Kiên Giang, Trà Vinh,...

- *Sâu cuốn lá nhỏ*: Diện tích nhiễm 5.518 ha ( tăng 4.716 ha so với kỳ trước, giảm 174 ha so với CKNT). Tập trung tại tỉnh Kiên Giang, An Giang, Vĩnh Long,...

- *Sâu đục thân*: Diện tích nhiễm 1.452 ha (tăng 341 ha so với kỳ trước, tăng 521 ha so với CKNT). Phân bố tập trung tại các tỉnh Bình Thuận, Hậu Giang, Tây Ninh,...

- *Chuồn*: Diện tích hại 12.469 ha (tăng 2.876 ha so với kỳ trước, tăng 4.876ha so với CKNT) mất trắng 18,9 ha tại Nghệ An. Phân bố ở các tỉnh trồng lúa

- *OBV*: Diện tích hại 4.679 ha (giảm 1.088 ha so với kỳ trước, tăng 1.139 ha so với CKNT), diện tích phòng trừ 11.088 ha. Phân bố ở các tỉnh trồng lúa.

### **III. DỰ BÁO KHÍ HẬU 3 THÁNG IV, VI NĂM 2020**

#### **3.1. Nhiệt độ**

NĐTB mùa IV-VI năm 2020 từ xấp xỉ đến cao hơn TBNN trên phần lớn diện tích cả nước, với chuẩn sai phổ biến từ 0.5 đến 1,5°C.

#### **3.2. Lượng mưa**

TLM mùa IV-VI năm 2020 phổ biến từ thấp hơn đến xấp xỉ TBNN trên phần lớn diện tích cả nước. Trong đó, khả năng thiếu hụt mưa đáng kể nhất xảy ra ở Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và Nam Bộ.

#### **3.3. Hiện tượng cực đoan**

- *Hoạt động của XTNĐ*: Số lượng XTNĐ hoạt động trên khu vực Biển Đông và ảnh hưởng đến đất liền nước ta trong năm 2020 có khả năng ở mức thấp hơn đến xấp xỉ TBNN. Trong mùa IV-VI có khả năng xuất hiện 1 đến 2 cơn hoạt động trên Biển Đông.

- *Gió mùa mùa hè*: Thời điểm bắt đầu gió mùa mùa hè ở Tây Nguyên và Nam Bộ có khả năng muộn hơn TBNN khoảng 1-2 pentad (khoảng từ ngày 15 đến 20/V/2020), cường độ gió mùa mùa hè có khả năng yếu hơn TBNN. Mùa mưa ở Tây Nguyên và Nam Bộ có khả năng đến muộn hơn TBNN.

- *Nắng nóng*: Số ngày nắng nóng có khả năng ở mức cao hơn TBNN, nhưng sẽ không gay gắt như năm 2019.

- *Điều kiện khô/hạn*: Tình trạng khô hạn ở Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và Nam Bộ vẫn tiếp tục xảy ra trong tháng tiếp theo. Ở khu vực Nam Trung Bộ hạn có thể kéo dài đến tháng VII, khu vực Tây Nguyên và Nam Bộ có thể kéo dài đến hết tháng IV/2020.

#### IV. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

Từ thực trạng sản xuất nông nghiệp, trạng thái sinh trưởng phát triển của cây trồng trong tháng II và trên cơ sở dự báo xu thế thời tiết tháng IV/2020 và dự báo khí hậu 3 tháng IV- VI/2020 có thể đưa ra một số kiến nghị sau:

##### 1. Miền Bắc

- Tăng cường các biện pháp phòng trừ sâu, bệnh trên lúa và rau màu, cây công nghiệp ngắn ngày;
- Tăng cường chăm sóc đảm bảo cho lúa đẻ nhánh, mọc dón, làm đòng thuận lợi và các cây trồng khác phát triển thuận lợi;
- Tích cực thực hiện các biện pháp chống hạn bảo đảm đủ nước tưới dưỡng cho lúa đông xuân trở bông vào cuối tháng IV đầu tháng V

##### 2. Miền Trung và Tây Nguyên:

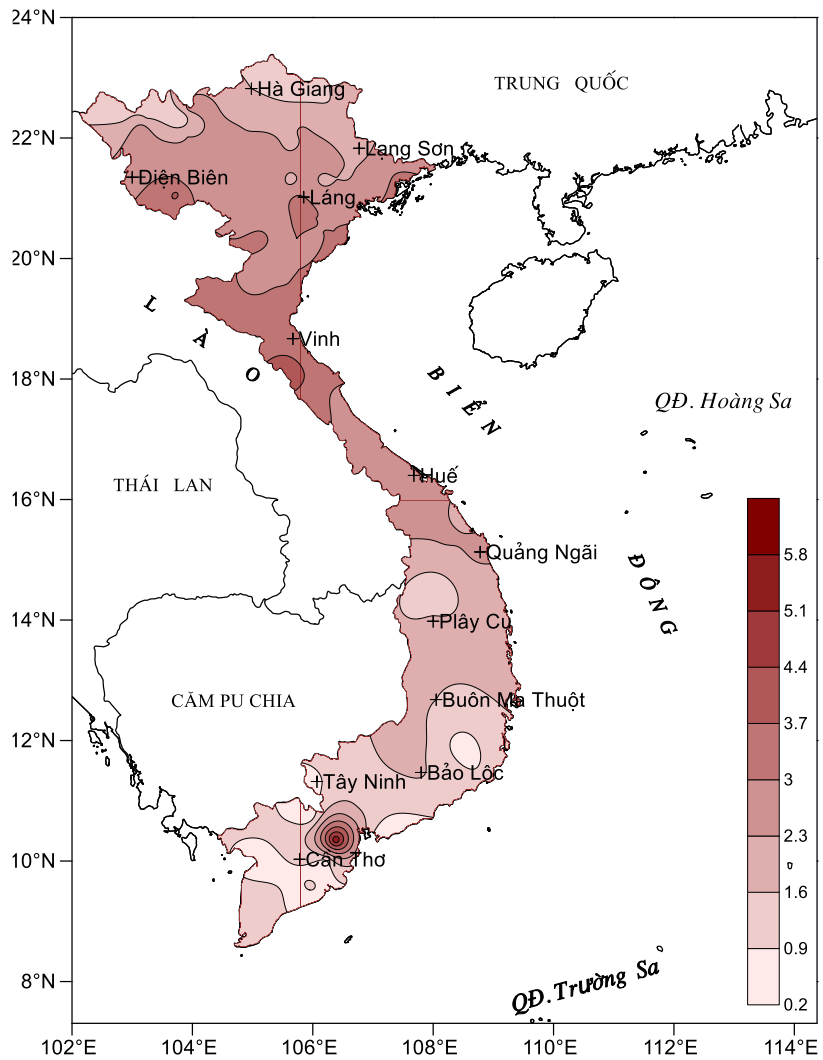
- Tập trung chăm sóc lúa mới trồng và các loại cây rau màu;
- Tiếp tục tăng cường các biện pháp chống hạn
- Đề phòng mưa giông

##### 3. Miền Nam:

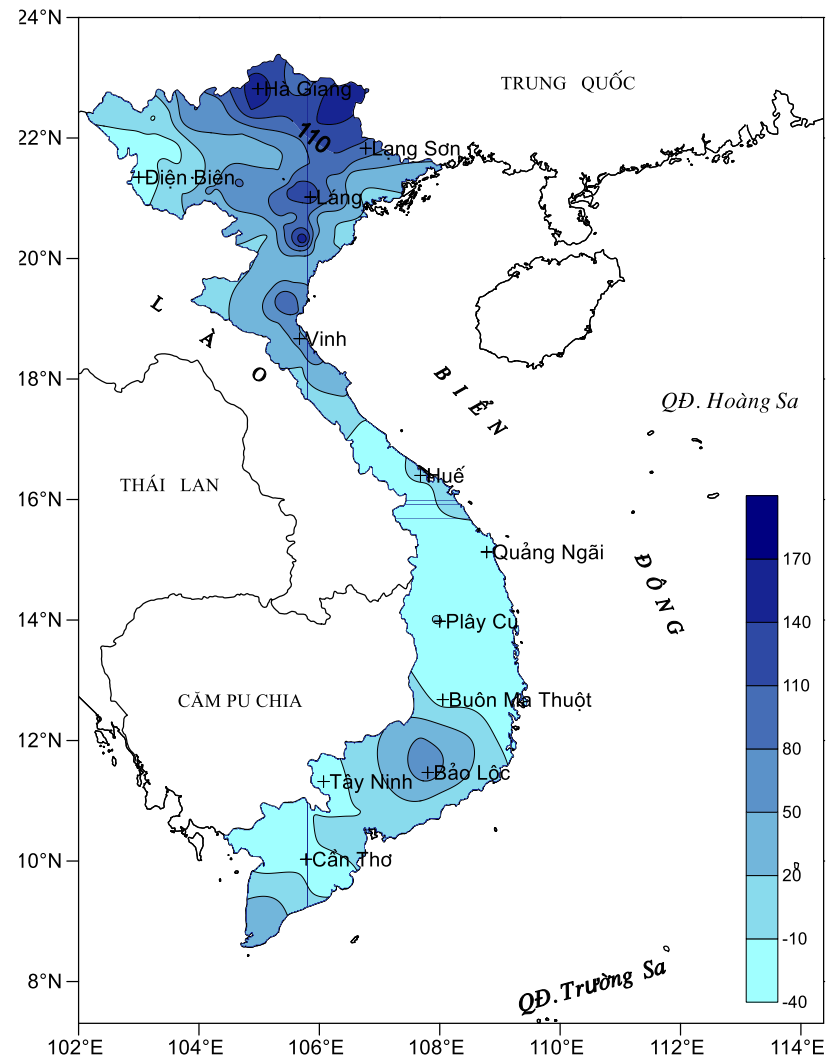
- Thu hoạch lúa mùa;
- Tiếp tục tổ chức đo đạc, giám sát độ mặn tại các cửa lấy nước, để thực hiện lấy nước phù hợp, tuyệt đối không lấy nước có độ mặn cao hơn mức cho phép
- Các địa phương khu vực Đồng bằng sông Cửu Long cần tranh thủ thời gian xâm nhập mặn giảm khẩn trương tiến hành lấy nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt của người dân, đồng thời tiến hành rửa mặn chuẩn bị gieo cấy vụ hè thu
- Việc gieo cấy lúa Hè Thu cần căn cứ cụ thể tình hình nguồn nước, chỉ thực hiện khi có nguồn nước ngọt ổn định; các vùng ven biển cần đợi mùa mưa mới thực hiện xuống giống
- Diệt trừ các loại sâu hại lúa đặc biệt là sâu, bệnh trên lúa ở đồng bằng sông Cửu Long.

## **V. TÀI LIỆU THAM KHẢO**

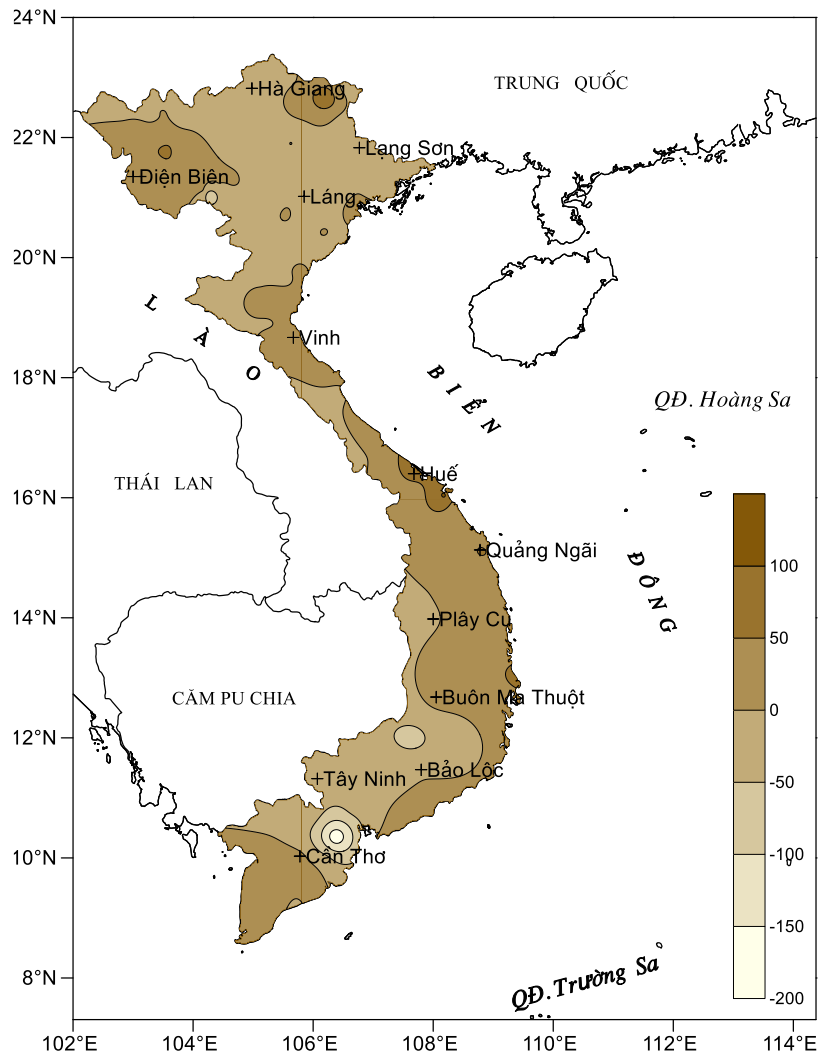
1. Viện Khoa học Khí tượng thuỷ văn và Môi trường, Thông báo và dự báo Khí hậu tháng IV-VI năm 2020;
2. Trung tâm Dự báo Khí tượng Thuỷ văn Quốc gia, dự báo xu thế thời tiết tháng IV năm 2020 các khu vực trên phạm vi cả nước;
3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch tháng III năm 2020 ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.



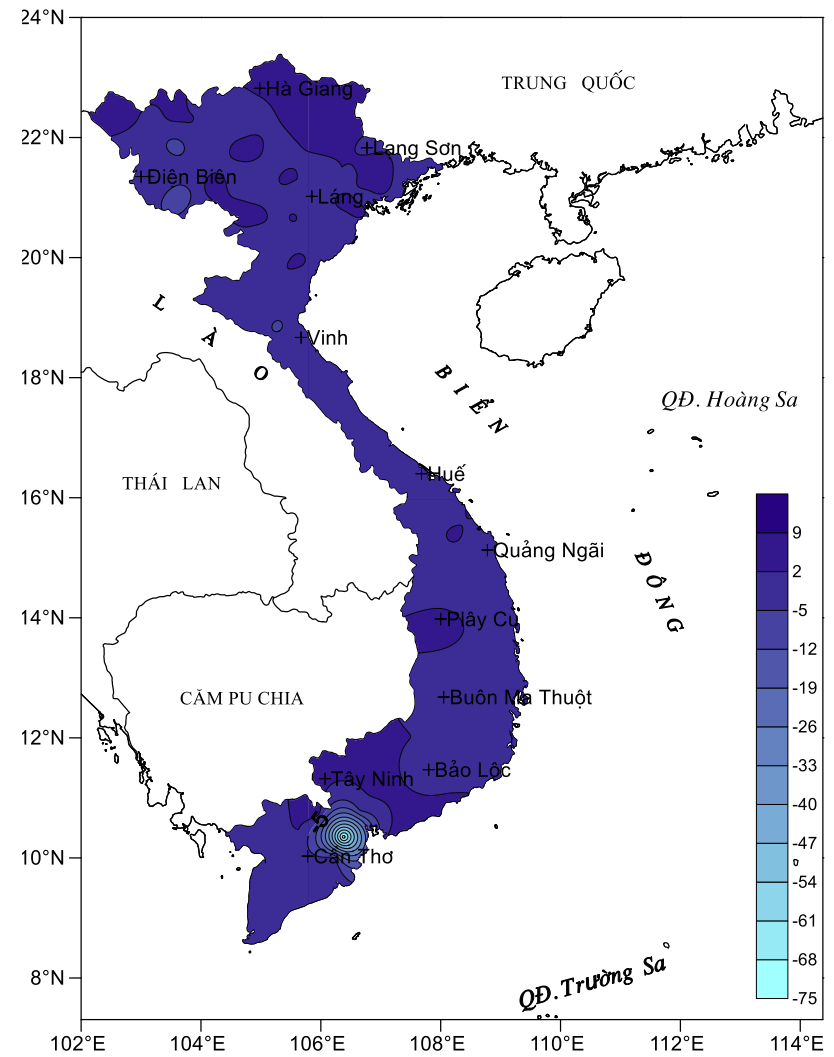
Hình 10. Độ lệch của nhiệt độ tháng III/2020 so với TBNN (°C)



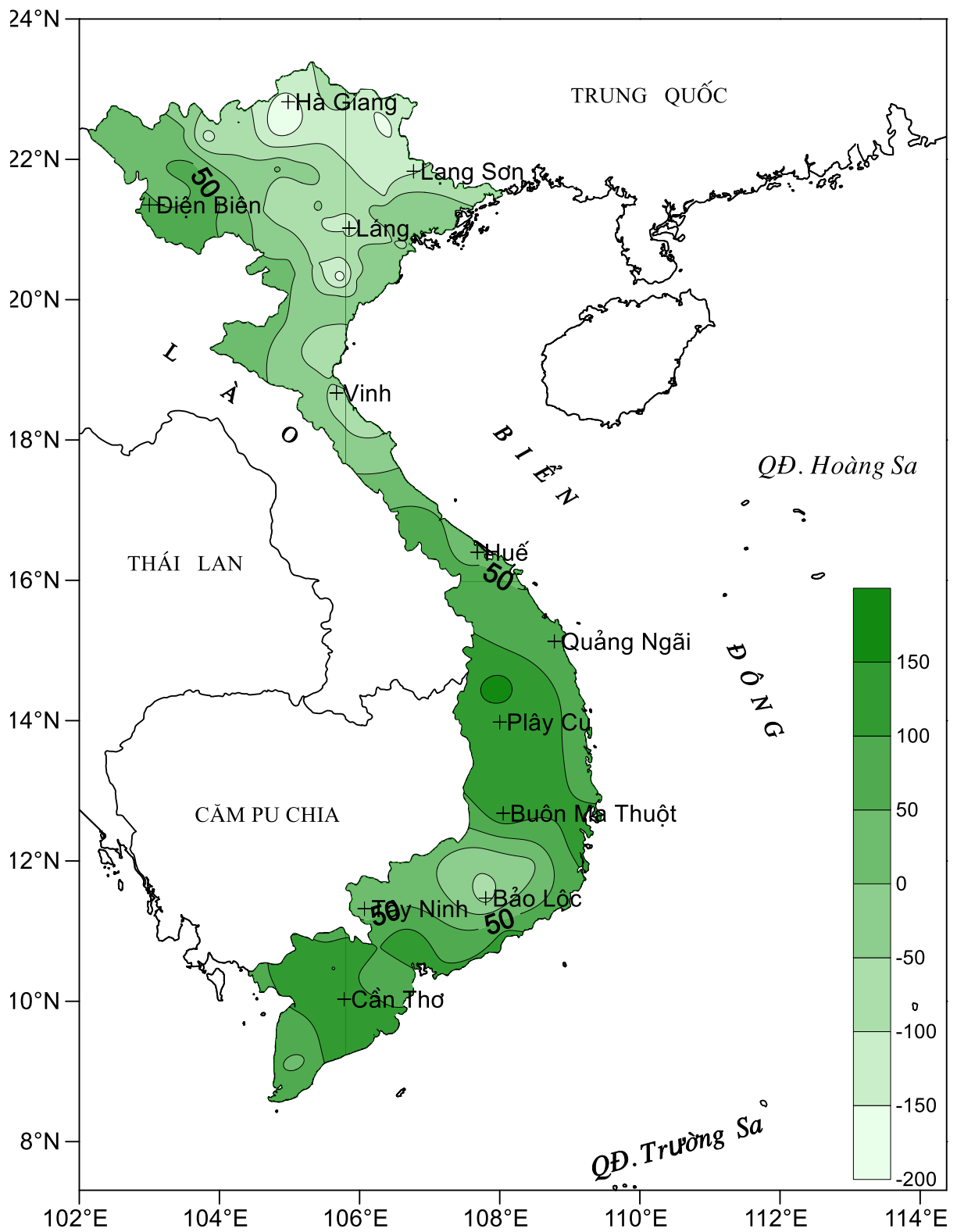
Hình 11. Độ lệch của lượng mưa tháng III/2020 so với TBNN (mm)



Hình 12. Độ lệch của số giờ nắng tháng III/2020 so với TBNN (giờ)



Hình 13. Độ lệch của độ ẩm không khí tháng III/2020 so với TBNN (%)



**Hình 14. Độ lệch của lượng mưa so với lượng bốc hơi tháng III/2020 (mm)**